

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính quý IV năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360,894,543,316	189,084,312,338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22,112,123,400	10,376,591,028
Tiền	111		22,112,123,400	10,376,591,028
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,864,313,631	70,438,654,048
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	58,293,293,403	51,138,709,394
Trả trước cho người bán	132	5.3	14,252,621,051	16,178,353,669
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	900,000,000	2,500,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2,553,929,087	1,256,511,318
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2,135,529,910)	(634,920,333)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	251,604,809,801	107,610,728,247
Hàng tồn kho	141		251,604,809,801	108,778,728,247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1,168,000,000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13,313,296,484	658,339,015
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	811,291,395	58,666,667
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,910,946,721	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	591,058,368	599,672,348
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81,309,796,774	52,993,234,634
Các khoản phải thu dài hạn	210		18,100,000	8,000,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		18,100,000	8,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		65,369,220,076	40,955,234,011
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	53,722,803,276	29,285,417,211
Nguyên giá	222		81,973,097,654	54,477,478,560
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28,250,294,378)	(25,192,061,349)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	11,646,416,800	11,669,816,800
Nguyên giá	228		12,156,516,280	12,156,516,280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(510,099,480)	(486,699,480)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	810,647,660
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	-	810,647,660
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,447,925,969	10,942,331,089
Đầu tư vào công ty con	251	5.12	22,461,150,000	21,872,000,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12	(13,013,224,031)	(10,929,668,911)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6,474,550,729	277,021,874
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	6,474,550,729	277,021,874
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		442,204,340,090	242,077,546,972

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		309,339,504,355	137,176,253,994
Nợ ngắn hạn	310		309,339,504,355	137,176,253,994
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	125,883,403,592	49,036,423,052
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	20,495,448,710	22,215,199,327
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4,053,948,068	1,393,879,125
Phải trả người lao động	314		6,350,524,780	3,317,722,334
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	3,553,900,287	1,444,099,771
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1,807,186,704	1,155,319,315
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	147,195,092,214	58,613,611,070
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132,864,835,735	104,901,292,978
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	132,864,835,735	104,901,292,978
Vốn góp của chủ sở hữu	411		111,161,690,000	111,161,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111,161,690,000	111,161,690,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		635,620,600	635,620,600
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4,309,221,242	4,309,221,242
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16,758,303,893	(11,205,238,864)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11,205,238,864)	(28,666,439,683)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27,963,542,757	17,461,200,819
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		442,204,340,090	242,077,546,972

LA NGỌC HUỖNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUỖNH
Giám Đốc Tài Chính



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2015

	Mã số	Thu yết minh	Quý 4/2015 VND	Quý 4/2014 VND	Lũy kế đến cuối quý 4/2015 VND	Lũy kế đến cuối quý 4/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		603,408,935,456	347,330,665,577	1,811,598,238,323	1,185,463,594,273
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		140,262,143	148,866,235
Doanh thu thuần	10	6.1	603,408,935,456	347,330,665,577	1,811,457,976,180	1,185,314,728,038
Giá vốn hàng bán	11	6.2	594,227,031,291	339,551,321,538	1,760,273,606,835	1,151,484,200,563
Lợi nhuận gộp	20		9,181,904,165	7,779,344,039	51,184,369,345	33,830,527,475
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	93,488,302	12,967,311	165,025,065	179,137,029
Chi phí tài chính	22	6.4	4,275,210,127	1,205,678,607	7,259,555,829	5,143,116,571
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2,346,239,963	942,128,828	5,176,000,709	4,325,178,599
Chi phí bán hàng	24	6.5	12,802,874,742	7,912,292,715	34,553,746,122	21,319,833,841
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6,256,551,907	3,177,039,792	18,389,183,741	9,416,128,925
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,059,244,309)	(4,502,699,764)	(8,853,091,282)	(1,869,414,833)
Thu nhập khác	31	6.7	27,387,085,650	12,046,368,763	45,196,400,212	20,825,383,415
Chi phí khác	32	6.8	127,693,272	51,711,833	201,053,504	816,998,508
Lợi nhuận khác	40		27,259,392,378	11,994,656,930	44,995,346,708	20,008,384,907
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,200,148,069	7,491,957,166	36,142,255,426	18,138,970,074
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	3,079,352,319	562,849,258	8,178,712,669	562,849,258
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,120,795,750	6,929,107,908	27,963,542,757	17,576,120,816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10				

LA NGOC HUYNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUYNH
Giám Đốc Tài Chính
Kiêm Kế Toán Trưởng



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám Đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	36,142,255,426	18,138,970,074
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7,216,323,523	3,037,459,526
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	2,416,164,697	1,969,675,647
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(102,297,924)	(57,675,350)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,859,042,462)	(564,375,462)
Chi phí lãi vay	06	5,176,000,709	4,325,178,599
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	48,989,403,969	26,849,233,034
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(18,336,403,977)	(24,902,346,935)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(142,826,081,554)	13,705,650,597
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	81,039,507,593	33,218,930,106
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(6,950,153,583)	505,285,909
Tiền lãi vay đã trả	14	(4,863,353,433)	(3,563,656,808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,949,098,321)	(61,512,623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48,896,179,306)	45,751,583,280
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(66,544,088,131)	(31,070,185,408)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	37,521,999,997	18,954,545,454
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,050,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	1,600,000,000	10,091,240,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(589,150,000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	61,468,668	179,137,029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27,949,769,466)	(8,895,262,925)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	655,184,369,388	363,400,764,173
Tiền trả nợ gốc vay	34	(566,602,888,244)	(398,974,123,289)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	88,581,481,144	(35,573,359,116)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	11,735,532,372	1,282,961,239
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	10,376,591,028	9,093,629,789
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	22,112,123,400	10,376,591,028

LA NGỌC HUỖNH
Người lập biểu

CHU THỊ NGỌC HUỖNH
Giám Đốc Tài Chính
Kiểm Kế Toán Trưởng



ĐỖ TIỀN DŨNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Theo Quyết định số 382/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Tổng Giám Đốc Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh về việc đưa cổ phiếu HAX ra khỏi diện cảnh báo kể từ ngày 31/08/2015

1.6 Cấu trúc của Công ty

Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	75.74%	75.74%	75.74%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu của kỳ trước theo thông tư này, do vậy, các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 12 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.8 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 273 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 186 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong quý 4 năm 2015, Công ty không có các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư công nợ phải thu có gốc USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này là 22.450 VND/ USD.

4.4 Các khoản phải thu cho vay ngắn hạn

Các khoản phải thu cho vay ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phải thu cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho đơn vị khác vay tiền có tính lãi suất có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính năm .

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền bảo hiểm rủi ro tài sản, công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

4.9 Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

4.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty với người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.16 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

4.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.22 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuê tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.23 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên (Samco)	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	3.254.224.346	3.278.787.710
Tiền gửi ngân hàng – VND	18.857.899.054	7.097.803.318
	22.112.123.400	10.376.591.028

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan	831.258.222	1.218.780.054
- Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	121.211.962	74.480.634
- Chi nhánh Tổng Công Ty CK GTVT Sài Gòn-TNHH MTV-XN Công Nghiệp Và Dịch Vụ Ô Tô	710.046.260	1.144.299.420
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		49.919.929.340
- Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Nam Trung	-	5.191.400.000
- Phải thu khách hàng khác	57.462.035.181	44.728.529.340
	58.293.293.403	51.138.709.394

5.3 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
- Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	8.713.743.123	9.566.770.051
- Trả trước cho người bán khác	5.538.877.928	6.611.583.618
	14.252.621.051	16.178.353.669

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

5.4 Phải thu cho vay ngắn hạn

		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Cho vay tiền – bên liên quan			
- Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ	(*)	900.000.000	2.500.000.000
		900.000.000	2.500.000.000

(*) Số dư các khoản cho vay không thể chấp với lãi suất 0%/tháng đến 1,6%/tháng theo từng hợp đồng cho vay. Theo Biên bản họp của Hội đồng Quản trị số 02/2014/BB-HĐQT/NKV ngày 27 tháng 3 năm 2014, Công ty dừng thu lãi tiền cho vay và không thu lãi vay trên phần lãi chậm trả đối với số tiền 900.000.000 VND.

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan	1.139.847.686	569.923.843	1.139.847.686	-
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ				
- Lãi cho vay	1.139.847.686	569.923.843	1.139.847.686	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		-	116.663.632	-
Phải thu khác	1.414.081.401	-	116.663.632	-
	2.553.929.087	569.923.843	1.256.511.318	-

5.6 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khác bên liên quan	2.039.847.686	569.923.843		
<i>Nợ quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm</i>				
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ				
- Lãi cho vay	1.139.847.686	569.923.843	-	-
<i>Nợ quá hạn từ 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ				
- Cho vay	900.000.000	-	-	-
Phải thu thương mại các tổ chức và cá nhân khác	676.119.656	10.513.589	734.220.706	99.300.373
<i>Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm</i>	35.045.296	10.513.589	198.600.746	46.573.173
- Công ty CP PT KT Xây dựng C.A.D			56.869.050	28.434.525
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.296	10.513.589	36.277.296	18.138.648
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>	641.074.360	-	535.619.960	52.727.200
- Công ty CP Minh Thắng	447.577.960	-	447.577.960	-
- Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	-	45.350.000	-
- Võ Thị Thu Phương	42.692.000	-	42.692.000	-
- Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn	105.454.400	-	105.454.400	52.727.200
	2.715.967.342	580.437.432	734.220.706	99.300.373

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	634.920.333	680.431.715
Trích lập dự phòng trong kỳ/ năm	1.529.660.102	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/ năm	(29.050.525)	(45.511.382)
Số dư cuối kỳ/ năm	2.135.529.910	634.920.333

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.100.758.891	-	28.671.489.971	943.000.000
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.705.179.858	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.006.014.450	-	3.363.171.303	-
Hàng hóa	211.498.036.460	-	75.038.887.115	225.000.000
Cộng	251.604.809.801	-	108.778.728.247	1.168.000.000

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau :

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	1.168.000.000	-
Giảm dự phòng trong kỳ/ năm	(1.168.000.000)	1.168.000.000
Số dư cuối kỳ/ năm	-	1.168.000.000

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	344.925.407	-
Chi phí bảo trì phần mềm	58.666.667	58.666.667
Chi phí CCDC	407.699.322	-
	811.291.395	58.666.667

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.135.752.178	-
Công cụ, dụng cụ	3.284.458.551	163.401.874
Chi phí thuê server FPT	54.340.000	113.620.000
	6.474.550.729	277.021.874

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2015	16.704.493.365	11.638.496.267	24.856.605.947	971.648.104	306.234.877	54.477.478.560
Tăng trong kỳ	13.082.056.605	3.132.946.300	51.003.309.968	162.132.090	2.255.776.581	69.636.221.544
Giảm do thanh lý	-	(396.505.879)	(39.822.643.388)	(83.477.618)	(121.896.710)	(40.424.523.595)
Giảm do chiết khấu	-	-	(1.716.078.855)	-	-	(1.716.078.855)
Vào ngày 31/12/2015	29.786.549.970	14.374.936.688	34.321.193.672	1.050.302.576	2.440.114.748	81.973.097.654
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2015	14.609.308.579	7.806.192.256	1.498.677.533	971.648.104	306.234.877	25.192.061.349
Khấu hao trong kỳ	1.139.277.831	1.862.408.280	3.885.395.579	30.662.675	275.179.158	7.192.923.523
Giảm do thanh lý	-	(395.624.803)	(3.619.100.073)	(83.477.618)	(36.488.000)	(4.134.690.494)
Vào ngày 31/12/2015	15.748.586.410	9.272.975.733	1.764.973.039	918.833.161	544.926.035	28.250.294.378
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2015	2.095.184.786	3.832.304.011	23.357.928.414	-	-	29.285.417.211
Vào ngày 31/12/2015	14.037.963.560	5.101.960.955	32.556.220.633	131.469.415	1.895.188.713	53.722.803.276

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2015	11.646.416.800	510.099.480	12.156.516.280
Vào ngày 31/12/2015	11.646.416.800	510.099.480	12.156.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2015	-	486.699.480	486.699.480
Khấu hao trong kỳ	-	23.400.000	23.400.000
Vào ngày 31/12/2015	-	510.099.480	510.099.480
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2015	11.646.416.800	23.400.000	11.669.816.800
Vào ngày 31/12/2015	11.646.416.800	-	11.646.416.800

5.11 Xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển chi phí VND	31/12/2015 VND
Công trình chi nhánh Hà Nội	810.647.660	433.500.186	(1.244.147.846)	
Showroom Điện Biên Phủ		376.282.262	(376.282.262)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

5.12.1 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800420206 thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 22.461.150.000 VND tương đương 75,74% vốn điều lệ. Chi tiết như sau:

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	22.461.150.000	(13.013.224.031)	9.447.925.969	21.872.000.000	(10.929.668.911)	10.942.331.089

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

5.12.2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	10.929.668.911	10.347.328.577
Trích lập dự phòng trong kỳ/ năm	2.083.555.120	582.340.334
Số dư cuối kỳ/ năm	13.013.224.031	10.929.668.911

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	118.645.485.423	118.645.485.423	48.525.206.345	48.525.206.34
- Phải trả người bán khác	7.237.918.169	7.237.918.169	511.216.707	511.216.70
	125.883.403.592	125.883.403.592	49.036.423.052	49.036.423.05

5.14 Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước là khoản khách hàng ứng trước tiền mua xe và dịch vụ sửa chữa xe.

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã hoàn thuế trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2015 VND
a) Phải thu					
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	(18.741.677)	18.741.677

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Tiền thuê đất	569.478.099	68.787.513	(71.626.105)	572.316.691
- Thuế thu nhập cá nhân	30.194.249	30.194.249		
	599.672.348	98.981.762	71.626.105	(18.741.677)
b) Phải trả				
- Thuế giá trị gia tăng	544.141.154	4.334.531.739	- (4.878.672.893)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	849.737.971	8.246.559.539	- (5.368.371.913)	3.727.925.597
- Thuế thu nhập cá nhân		1.305.452.331	(979.429.860)	326.022.471
- Thuế khác	-	3.000.000	- (3.000.000)	
	1.393.879.125	13.889.543.609	(11.229.474.666)	4.053.948.068

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí phải trả tổ chức và cá nhân khác		
- Chi phí lãi vay	148.868.056	246.984.470
- Chi phí vận chuyển	201.275.454	408.764.167
- Chi phí đăng ký xe	370.983.636	193.536.547
- Chi phí khác	2.832.773.141	594.814.587
	3.553.900.287	1.444.099.771

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp

5.17.1 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả bên liên quan	15.809.156	15.809.156
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Phải trả do chi hộ	15.809.156	15.809.156
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.791.377.548	1.139.510.159
Kinh phí công đoàn	66.090.760	2.091.880
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	71.493.666	101.763.752
Cổ tức phải trả		86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	200.000.000
Hàng thừa chờ xử lý		12.640.835
Phải trả do thu hộ tiền bảo hiểm	747.712.594	274.571.691
Phải trả khác	706.080.528	461.566.801
	1.807.186.704	1.155.319.315

5.17.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

5.18.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng: (a)	132.695.092.214	47.113.611.070

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)		40.542.233.757
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Tây Sài Gòn	74.665.977.263	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Hải Dương	52.204.354.152	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa	5.824.760.799	6.571.377.313
Vay ngắn hạn của tổ chức khác (b)	9.000.000.000	6.000.000.000
Vay ngắn hạn của cá nhân (c)	5.500.000.000	5.500.000.000
	147.195.092.214	58.613.611.070

- (a) Khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô.
- (b) Khoản vay không thế chấp tại Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo các hợp đồng vay với lãi suất 6,5%/năm.
- (c) Khoản vay cá nhân không thế chấp theo các hợp đồng vay với lãi suất 6,5%/năm.

5.18.2 Số dư vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có số dư vay ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2014	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(28.666.439.683)	87.440.092.159
Lãi trong năm 2014	-	-	-	-	17.461.200.819	17.461.200.819
Số dư 31/12/2014	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.217.010.190	(11.205.238.864)	104.901.292.978
Phân loại lại (*)	-	-	3.217.010.190	(3.217.010.190)	-	-
Số dư 01/01/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	-	(11.205.238.864)	104.901.292.978
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	27.963.542.757	27.963.542.757
Số dư 31/12/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.221.242	-	17.066.902.698	132.864.835.735

- (*) Phân loại lại số dư đầu kỳ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 111.161.690.000 VND. Chi tiết như sau:

Cổ đông	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên	36.277.240.000	32,63	36.277.240.000	32,63
Ông Đỗ Tiến Dũng	19.789.540.000	17,80	19.789.540.000	17,80
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	11.915.380.000	10,72	11.915.380.000	10,72
Vũ Thị Hạnh	7.554.570.000	6,80	7.554.570.000	6,80

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ đông khác	35.624.960.000	32,05	35.624.960.000	32,05
	111.161.690.000	100,00	111.161.690.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.116.169	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh xe	564.391.577.383	319.808.656.435
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	38.475.883.936	27.308.508.436
Doanh thu hoạt động khác	541.474.137	213.500.706
	603.408.935.456	347.330.665.577

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
Giá vốn kinh doanh xe	556.727.469.619	312.952.654.441
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	38.545.878.743	26.571.404.297
Giá vốn hoạt động khác		27.262.800
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.046.317.071)	
	594.227.031.291	339.551.321.538

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.714.128	12.967.311
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.774.174	
	93.488.302	12.967.311

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.4	Chi phí hoạt động tài chính	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Chi phí lãi vay	2.346.239.963	942.128.828
	Chi phí tài chính khác	1.928.970.164	263.549.779
		4.275.210.127	1.205.678.607
6.5	Chi phí bán hàng	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Chi phí nhân viên bán hàng	5.385.612.396	2.286.919.430
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.119.934.529	954.537.218
	Chi phí khác	6.297.327.817	4.670.836.067
		12.802.874.742	7.912.292.715
6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Chi phí nhân viên	2.717.266.371	1.618.915.641
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.610.007	48.100.210
	Chi phí khác	3.084.675.529	1.510.023.941
		6.256.551.907	3.177.039.792
6.7	Thu nhập khác	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Thu nhập thanh lý tài sản cố định	165.641.587	
	Thu nhập từ thưởng đạt chỉ tiêu doanh số	26.946.781.640	
	Thu nhập khác	274.662.423	12.046.368.763
		27.387.085.650	12.046.368.763
6.8	Chi phí khác	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Chi phí khác	127.693.272	51.711.833
		127.693.272	51.711.833
6.9	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	Quý 4 năm 2015 VND	Quý 4 năm 2014 VND
	Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	13.200.145.069	7.491.957.166
	Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	333.037.401	
	Lợi nhuận chịu thuế trong kỳ	13.533.182.470	2.251.397.032
	Lỗi năm trước được chuyển sang		(5.240.560.134)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Lợi nhuận tính thuế trong kỳ	13.533.182.470	-
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN	2.977.300.804	562.849.258
Thuế TNDN phải nộp theo quyết toán	102.051.515	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.079.352.319	

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	Quý4 Năm 2015 VND	Quý4 Năm 2014 VND
Thu nhập	620.945.700	425.238.000

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	Quý4 Năm 2015 VND	Quý4 Năm 2014 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên		
- Doanh thu bán hàng và sửa chữa xe	1.924.589.900	1.972.280.701
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Doanh thu bán hàng và sửa chữa xe	1.361.769.315	1.353.419.759
Chi phí thuê mặt bằng	(218.181.819)	(218.181.819)
- Cho vay tiền		
- Thu nợ cho vay		

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên		
- Phải thu thương mại	710.046.260	1.144.299.420
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Phải thu thương mại	121.211.962	74.480.634
- Phải thu tiền cho vay	900.000.000	2.500.000.000
- Phải thu lãi cho vay	1.139.847.686	1.139.847.686
- Phải trả khác	(15.809.156)	(15.809.156)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.3 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công ty chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

Phải thu khách hàng	USD 78.730,00
---------------------	------------------

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ

các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền. Các đơn vị này Công ty kiểm soát và quản lý nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

7.4 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính.

Số dư đầu kỳ Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu đã trình bày	Điều chỉnh	Số liệu trình bày
		VND	tăng/ (giảm) VND	lại VND
Đầu tư ngắn hạn		2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	671.738.280	(72.065.932)	599.672.348
Phải thu dài hạn khác	216	-	8.000.000	8.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	8.000.000	(8.000.000)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.465.945.057	(72.065.932)	1.393.879.125
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.092.211.052	3.217.010.190	4.309.221.242
Quỹ dự phòng tài chính		3.217.010.190	(3.217.010.190)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thu nhập khác	31	17.224.146.781	(5.177.778.018)	12.046.368.763
Chi phí khác	32	5.229.489.851	(5.177.778.018)	51.711.833

LA NGỌC HUỖNH
Người lập

CHU THỊ NGỌC HUỖN
Giám Đốc Tài Chính
Kiểm Kế Toán Trưởng



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2016

